

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 209/2017/HSST

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 202/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2017/HSST-QĐ ngày 08/12/2017, đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn Th - Sinh ngày 15/12/1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Xuân M, sinh năm 1949 và bà Trương Thị C, sinh năm 1950; Vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; Có hai con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

2. Đặng Văn Q - Sinh ngày 12/6/1980; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Văn M,

sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Vợ Trần Thị T, sinh năm 1986; Có ba con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 06/9/2017 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 06/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

3. Nguyễn Văn C - Sinh ngày 24/02/1991; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947 và bà Trần Thị H, sinh năm 1949; Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Có một con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

4. Đặng Văn N - Sinh ngày 06/9/1991; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Thanh B, sinh năm 1954 và bà Trần Thị N, sinh năm 1955; Vợ Phùng Thị X, sinh năm 1993; Có một con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2011 xuất ngũ; Ngày 06/9/2017 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 06/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

5. Đặng Xuân C - Sinh ngày 16/10/1992; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Xuân C, sinh năm 1951 và bà Đặng Thị S (Đã chết); Vợ Trần Thị Thu H, sinh năm 1993; Có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 08/9/2017 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 08/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

6. Trần Văn B - Sinh ngày 11/01/1975; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1936 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1942; Vợ Trần Xa Ng, sinh năm 1990; Có

hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 08/9/2017 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 08/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

7. Trần Văn Q - Sinh ngày 15/3/1983; Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn G, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1950; Vợ Đặng Thị S, sinh năm 1985; Có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 08/9/2017 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 08/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

8. Trần Văn Q1 - Sinh ngày 04/3/1979; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1942 và bà Trần Thị T, sinh năm 1945; Vợ Đặng Thị T, sinh năm 1985; Có hai con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

9. Đặng Văn T - Sinh ngày 20/01/1980; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Văn P (Đã chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1941; Vợ Mai Thị D, sinh năm 1986; Có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đào Trọng K, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, giờ ngày 04/9/2017, Đặng Văn Th, Trần Văn Q, Trần Văn Q1 và Trần Văn B đang ngồi chơi ở sân nhà Đặng Văn Q thì Đặng Văn N, Đặng Xuân C,

Nguyễn Văn C và Đặng Văn T đến nhà Q chơi. Sau đó Th rủ tất cả những người trên đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng và mọi người đồng ý. Th hỏi Đặng Văn Q “Bộ bài đâu anh em làm tý liêng”, Q chỉ cho Th lấy bộ bài trên cửa sổ tại gian buồng trong bếp. Mọi người thống nhất luật chơi như sau: Mỗi người chơi phải đặt tiền cược xuống chiếu bạc là 10.000 đồng tiền gà, sau đó, người chia bài sẽ chia cho mỗi người chơi 03 quân bài. Người chia bài là người được quyền tố đầu tiên, tiền tố thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng, nếu ai theo thì góp vào số tiền bằng số tiền của người vừa tố. Nếu ai không theo thì người đó úp bài xuống và bị thua tiền đã đặt trước đó. Thứ tự tố và theo tính theo chiều kim đồng hồ. Khi việc tố bài kết thúc thì những người tố và theo phải so sánh bài với nhau, về quân bài thứ tự là $2 < 3 < 4 < 5 < 6 < 7 < 8 < 9 < 10 < J < Q < K < A$; Về chất: $Rô > Cơ > Bích > Tép$; Cách tính cao đến thấp: $Sáp > Liêng > Ảnh$, sau đó đến độ điểm (Sáp nghĩa là ba quân bài giống nhau; Liêng là quân bài cùng chất và có số thứ tự liên tiếp; Liêng nhỏ nhất là A, 2, 3; Liêng lớn nhất là Q, K, A; Ảnh tức là cả ba quân bài đều là J, Q hoặc K). Nếu không ai có Liêng, Ảnh, Sáp thì những người chơi phải cộng điểm trên bài lấy số điểm ở hàng đơn vị so sánh với nhau (Các quân bài từ 10 đến K đều tính là 0 điểm), ai có điểm cao nhất thì thắng toàn bộ số tiền mọi người đã đặt cược và là người chia ván bài tiếp theo. Ngoài ra mỗi người chơi sẽ nộp 10.000 đồng tiền hồ cho chủ nhà.

Khi các đối tượng ngồi chơi được khoảng 5 đến 6 ván thì Đặng Văn Q vào nói “Anh em cho xin tiền công đun nước”. Lúc này Trần Văn Q đã cầm số tiền vào gà của 08 người chơi là 80.000 đồng đưa cho Đặng Văn Q. Bằng nói với Q “Giờ khuya rồi, ông ra trông cho chúng tôi ngồi đánh bài”. Q đồng ý và lên trên mái nhà ngồi trông cho mọi người đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Đặng Văn Q thấy lực lượng Công an đến nên Q hô “Công an đấy, chạy đi các ông ơi”. Thấy vậy, Đặng Văn Q, Trần Văn Q, Trần Văn B, Đặng Văn N, Đặng Xuân C bỏ chạy, còn Đặng Văn Th, Trần Văn Q1, Đặng Văn T, Nguyễn Văn C bị bắt tại nơi đánh bạc. Thu trên chiếu bạc số tiền 1.800.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, thu dưới chiếu trong buồng ngủ 9.000.000 đồng.

Số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 12.970.000 đồng, trong đó:

- Đặng Văn Th có 1.300.000 đồng dùng để đánh bạc để trên chiếu bạc. Khi bị bắt quả tang, Th không rõ thắng thua, đã bị thu giữ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc;

- Nguyễn Văn C có 10.000.000 đồng dùng để đánh bạc để trên chiếu bạc. Trong lúc đánh bạc đã cho Đặng Xuân C vay 700.000 đồng, cho Đặng Văn N vay 1.000.000 đồng, sau đó Đặng Xuân C và Đặng Văn N đã trả hết. Khi bị bắt, C thua 1.000.000 đồng, còn 9.000.000 đồng giấu dưới chiếu trong phòng ngủ của Đặng Văn Q đã bị Công an thu giữ.

- Đặng Văn N có 150.000 đồng dùng vào việc đánh bạc bị thua hết, sau đó vay của Nguyễn Văn C 1.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc và thắng. Đã trả lại 1.000.000 đồng cho Nguyễn Văn C. Khi lực lượng Công an đến, Ngọc bỏ chạy cầm theo 1.200.000 đồng. Ngọc đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền này.

- Đặng Xuân C có 270.000 đồng dùng để đánh bạc bị thua hết, sau đó vay của Nguyễn Văn C 700.000 đồng để tiếp tục đánh bạc và thắng. Đã trả lại 700.000 đồng cho Nguyễn Văn C. Khi lực lượng Công an đến, C bỏ chạy cầm theo 580.000 đồng. Đặng Xuân C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này.

- Trần Văn Q1 có 460.000 đồng dùng để đánh bạc trên chiếu bạc, khi bị bắt Q1 không rõ thắng thua, đã bị thu giữ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc.

- Trần Văn B có 350.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị phát hiện, B thua 230.000 đồng, còn lại 120.000 đồng cầm theo khi bỏ chạy. B đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền này.

- Đặng Văn T có 340.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt T không rõ thắng thua, đã bị thu giữ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc.

- Trần Văn Q bỏ ra 100.000 đồng dùng để đánh bạc bị thua hết, sau đó vay của Đặng Xuân C 100.000 đồng tiếp tục đánh bạc thắng và đã trả lại số tiền này cho Đặng Xuân C. Khi bị phát hiện, Q bỏ chạy và cầm theo 190.000 đồng. Q đã giao nộp lại cho Cơ qua điều tra số tiền này.

- Đặng Văn Q là chủ nhà đồng ý cho mượn bếp nhà Q làm địa điểm đánh bạc để nhận tiền hồ là 80.000 đồng và canh coi cho đánh bạc, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền này.

Bản cáo trạng số 208/KSĐT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1, Đặng Xuân C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn N và Trần Văn Q về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận: Từ khoảng 23 giờ đến 23 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, Đặng Văn Q đã cho các bị cáo khác sử dụng gian

bếp trong nhà mình để đánh bạc, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.970.000 đồng, sát phạt nhau dưới hình thức đánh liêng, Đặng Văn Q đã thu được 80.000 đồng tiền hồ. Khi bị phát hiện, bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu trên chiếu bạc 1.800.000 đồng, thu tại hiện trường vụ án 9.000.000 đồng, thu do những người đánh bạc tự giao nộp là 2.170.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1, Đặng Xuân C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn N và Trần Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

* Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; 53; 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Th từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

2. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn C từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

3. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

4. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Xuân C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

5. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

6. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn Q1 từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

7. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn B từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

8. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Đặng Văn T từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

9. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn Q từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa màu đỏ.

- Tịch thu số tiền 1.800.000 đồng thu trên chiếu bạc, 9.000.000 đồng thu tại hiện trường vụ án và số tiền 2.170.000 đồng các bị cáo giao nộp để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, Q định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp, trùng khớp với nhau và cũng là lời buộc tội lẫn nhau. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1, Đặng Xuân C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn N và Trần Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

Điều 248 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng

hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: các bị cáo đều là người dân lao động tự do, vất vả, có thu nhập không lớn nhưng không tận dụng thời gian nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động mà lại tham gia đánh bạc với số lượng người chơi đông. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh bởi đánh bạc cũng là một tệ nạn xã hội. Các con bạc sử dụng hình thức đánh liêng để sát phạt nhau nhằm mục đích tước đoạt tiền bạc, tài sản của nhau gây mất trật tự an toàn xã hội. Mặt khác hành vi này còn có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho xã hội như: Do đánh bạc mà tan nát cửa nhà, do đánh bạc mà dẫn đến những hành vi phạm tội khác.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vì tất cả các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội một cách bột phát nhưng trong đó Đặng Văn Th là người rủ rê các bị cáo khác đánh bạc và cũng dùng số tiền lớn để đánh bạc là 1.300.000đ, vì vậy Th giữ vai trò chính và là vai trò thứ nhất trong vụ án.

Người giữ vai trò thứ hai trong vụ án là Đặng Văn Q và Nguyễn Văn C. Bởi Đặng Văn Q đã dùng nhà của mình để cho các bị cáo sử dụng đánh bạc và đồng thời là người thu tiền hồ. Còn Nguyễn Văn C thì dùng số tiền lớn để đánh bạc là 10.000.000 đồng, trong khi đánh bạc còn cho Đặng Xuân C vay 700.000 đồng, cho Đặng Văn N vay 1.000.000 đồng để đánh bạc.

Các bị cáo Đặng Xuân C, Đặng Văn N tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là trên, dưới 1.000.000 đồng, là số tiền tương đối lớn trong vụ án. Do vậy, các bị cáo này giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Các bị cáo Trần Văn Q1, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q cũng tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, nhưng số tiền các bị cáo bỏ ra đánh bạc không lớn, Q sử dụng 460.000 đồng, B sử dụng 230.000 đồng, T sử dụng 340.000 đồng, Q sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc nên bốn bị cáo này giữ vai trò ngang nhau và là vai trò thứ tư và là vai trò cuối cùng trong vụ án.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc với số lượng người tham gia đông nhưng với mức độ sát phạt nhau thấp, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn. Tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Hơn nữa các bị cáo đều là người dân lao động thuần túy, có nơi cư trú rõ ràng và đều là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; Đối với các bị cáo Trần Văn Q1, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q chỉ áp dụng hình phạt phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Đặng Văn Th, Nguyễn Văn C, Đặng Văn Q, Đặng Xuân C, Đặng Văn N mỗi bị cáo 3.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với Trần Văn Q1, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ, là lao động thuần túy, có thu nhập thấp, hiện đang là lao động chính trong gia đình, đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tất cả các bị cáo cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1, Đặng Xuân C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn N và Trần Văn Q tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đều có nhân thân tốt nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đặng Văn N, Đặng Văn T, Đặng Văn Th và Đặng Văn Q được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự bởi Đặng Văn N có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, Đặng Văn T có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Đặng Văn Th có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Đặng Văn Q có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Các bị cáo Đặng Văn Q, Đặng Văn N, Đặng Xuân C, Trần Văn B và Trần Văn Q sau khi phạm tội đã bỏ trốn nhưng đã ra đầu thú giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải Q vụ án nhanh chóng, do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tất cả các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về xử lý vật chứng: đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc nhựa màu đỏ là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền thu trên chiếc bạc là 1.800.000 đồng, 9.000.000 đồng thu tại hiện trường vụ án và số tiền 2.170.000 đồng các bị cáo sau khi đầu thú đã giao nộp là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Đặng Văn Th, Trần Văn B, Trần Văn Q1, Trần Văn Q và Nguyễn Văn G, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình còn khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, những người này cùng với Trần Văn T, nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng tại phòng bếp nhà Đặng Văn Q, đến 22 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, do chị Trần Thị T là vợ của Đặng Văn Q về nên không chơi nữa. Tuy nhiên, do Trần Văn T vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình chưa làm rõ hành vi đánh bạc của Toàn và tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc nên tách ra khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là đúng pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1 và Trần Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn Th 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn C 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn Q 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Xuân C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn Q 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn B 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Đặng Văn T 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30 Bộ luật hình sự. Phạt tiền Trần Văn Q 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự: Phạt tiền Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N mỗi bị cáo 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa màu đỏ.

- Tịch thu số tiền 1.800.000 đồng thu trên chiếu bạc, 9.000.000 đồng thu tại hiện trường vụ án và số tiền 2.170.000 đồng các bị cáo tự giác giao nộp để sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 27/11/2017).

5. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1 và Trần Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đặng Văn Th, Đặng Văn Q, Nguyễn Văn C, Đặng Xuân C, Đặng Văn N, Trần Văn B, Đặng Văn T, Trần Văn Q1 và Trần Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/12/2017.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

